

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19/7/2022

Về việc: “*Không công nhận quan hệ
vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Khiết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đăng Thanh;
2. Ông Giáp Văn Phẩm.

Thư ký phiên toà: Ông Vũ Hữu Thơ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 233/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/5/2022 việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1970 (Có mặt)
- Bị đơn: Ông Ngô Văn N, sinh năm: 1967 (Vắng mặt, có đơn xin xét vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2022, bản tự khai, nguyên đơn nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:** Bà S kết hôn với ông Ngô Văn N từ năm 1992, trước khi kết hôn ông bà có được tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 2012, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau, Bà S đã khuyên bảo nhiều lần nhưng vợ chồng không thể có tiếng nói chung. Nay Bà S xác định mâu

thuần vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, Bà S đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Văn N theo quy định pháp luật.

Về con chung: Bà S và ông Nguyễn có 02 con chung: Con lớn tên Ngô Văn X, sinh ngày 1993, con nhỏ tên Ngô Văn D, sinh năm 1995. Hiện nay đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông N và bà S tự thỏa thuận về phân chia tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai ngày 09/6/2022, bị đơn là ông Ngô Văn N trình bày:** Ông Nguyễn kết hôn với bà Nguyễn Thị S từ năm 1992, trước khi kết hôn ông bà có được tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 2012, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay ông Nguyễn xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, Bà S đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Ông Nguyễn và Bà S có 02 con chung: Con lớn tên Ngô Văn , sinh ngày 1993, con nhỏ tên Ngô Văn D, sinh năm 1995. Hiện nay đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận về phân chia tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, Bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Ngô Văn N. Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Ngô Văn N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố lời khai của ông Ngô Văn N có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 9; Điều 14; Điều 51; Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị S: Không công nhận bà Nguyễn Thị S và ông Ngô Văn N là vợ chồng.

Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết, vì các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0010832 ngày 20/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Ngô Văn N có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn là ông Ngô Văn N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyên theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S và ông Ngô Văn N đều khai không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống địa phương. Hai bên đều xác định trong quá trình chung sống có mâu thuẫn trầm trọng, đã tìm cách hòa giải nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn, không đoàn tụ được, Bà S đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Ngô Văn N. Căn cứ quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần không công nhận bà Nguyễn Thị S và ông Ngô Văn N là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Nguyễn Thị S và ông Ngô Văn N có 02 con chung là Con lớn tên Ngô Văn Xoái, sinh ngày 1993, con nhỏ tên Ngô Văn Dưỡng, sinh năm 1995. Hội đồng xét xử thấy hiện các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường, đương sự không có yêu cầu, đề nghị gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà S, ông Nguyễn tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0010832 ngày 20/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9; Điều 14; Điều 51; Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị S: Không công nhận bà Nguyễn Thị S và ông Ngô Văn N là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0010832 ngày 20/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Văn Khiết